

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 279 /2017/HNGĐ-ST
Ngày : 05-9-2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình
về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Chí Keo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Chi
2. Ông Võ Thái Quân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT: Ông Lê Hữu Đức – kiểm sát viên.

Ngày 5 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173 /2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2017/QĐXX – ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đặng Thái H (Hữu), sinh năm 1988 (có mặt).
Địa chỉ cư trú: tổ 6, ấp HT, xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang.
2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1994 (vắng mặt không lý do).
Địa chỉ cư trú: 257, tổ 9, ấp PT, xã PL, huyện PT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản H giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đặng Thái H trình bày: Sau thời gian tìm hiểu, được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2013, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hưng, huyện PT, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 24/2/2014. Đến tháng 10/2015, cuộc sống chung của anh chị phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, do không cùng quan điểm sống, hai gia đình mâu thuẫn trong điều trị bệnh của chị D, cha mẹ bên vợ đưa D về nhà trị bệnh, anh đến

rước vợ nhưng cha mẹ vợ và vợ không đồng ý về nhà anh, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Nay, anh H yêu cầu ly hôn với chị D

- Về con chung: có 01 con chung tên Đặng Hòa T, sinh ngày 08/2/2014, đang sống với anh, anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu D cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh không ý kiến và yêu cầu nào khác.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị D được Tòa án triệu tập nhiều lần công khai chứng cứ, hòa giải nhưng vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị D vẫn vắng mặt, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử; nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Anh H, chị D có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian anh chị sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn và ly thân từ giữa năm 2015 cho đến nay nhưng vẫn không hàn gắn được hạnh phúc gia đình, nên nguyên đơn xin ly hôn với bị đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Về con chung: cháu Đặng Hòa T, sinh ngày 08/2/2014, đã trên 3 tuổi, từ khi anh chị ly thân, cháu sống với anh H, nên anh yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Về tài sản chung: không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và lý lẽ của nguyên đơn và bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt không lý do. HĐXX căn cứ vào khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xét vắng mặt đối với chị D.

[2] Về hôn nhân: Anh H, chị D được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã PH, huyện PT, tỉnh An Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 35 ngày 24/02/2014 theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, anh H nhận thấy không còn tình cảm với chị D, cuộc sống chung không thể hàn gắn được vì chị D không đồng ý tiếp tục sống chung. Qua xác minh, ông Nguyễn Văn C là cha ruột chị D, ông trình bày: Vợ

chồng D, H không sống chung trên 02 năm nay, ông có hỏi D về hàn gắn cuộc sống chung vợ chồng nhưng D không đồng ý về sống với H và có 01 con tên Đặng Hòa T, 3 tuổi, hiện đang sống với anh H. Hội đồng xét xử nhận định: cuộc sống chung của anh H, chị D không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị D là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H đối với chị D.

[3] Về con chung: Anh H đang nuôi dưỡng cháu Đặng Hòa T, sinh ngày 08/2/2014, đang sống với anh, anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị D cấp dưỡng và chị D không có ý kiến phản đối. Hội đồng xét xử dành quyền cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu T là phù hợp. Tuy nhiên, anh H phải tạo điều kiện thuận lợi khi chị D đến thăm nom và giáo dục con sau khi ly hôn, không ai được cản trở chị D thực hiện quyền này được quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, vì lợi ích của con chung, một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con; cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng: Anh H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị D không phải chịu án phí.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 3; Điều 8; Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa anh Đặng Thái H đối với chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: Anh H được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu: Đặng Hòa T, sinh ngày 08/2/2014, đến khi cháu thành niên hoặc tự lập được. Anh H phải tạo điều kiện thuận lợi cho chị D trong việc đến thăm nom, nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con. Chị D lợi dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị D. Chị D được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Về án phí: anh H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015974 ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT. Chị D không phải chịu án phí.

Anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi Nhận :

- VKSND huyện PT;
- Chi cục THA huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu TA;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Chí Keo